

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SGDĐT-QLCL-CTHSSV

Khánh Hòa, ngày

tháng 10 năm 2025

V/v Thông báo thí sinh đoạt giải  
Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi  
quốc gia THPT năm học 2025 - 2026

Kính gửi: Các trường trung học phổ thông

Thực hiện Công văn số 1101/SGDĐT-QLCL-CTHSSV ngày 09/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tổ chức Kỳ thi chọn đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2025 - 2026 và kết quả từ Hội đồng chấm thi, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo tới các đơn vị kết quả giải như sau:

**1. Kết quả giải theo từng đơn vị**

| Số TT     | Đơn vị dự thi             | Dự thi | Số giải |     |     |     |      | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|--------|---------|-----|-----|-----|------|---------|
|           |                           |        | Nhất    | Nhì | Ba  | KK  | Tổng |         |
| 1         | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang  | 340    | 16      | 64  | 54  | 74  | 208  |         |
| 2         | Lê Quý Đôn-Đông Hải       | 288    |         | 19  | 36  | 39  | 94   |         |
| 3         | THPT Nguyễn Văn Trỗi      | 5      | 1       | 3   |     | 1   | 5    |         |
| 4         | THPT Trần Quý Cáp         | 3      |         | 2   |     | 1   | 3    |         |
| 5         | THPT Nguyễn Thái Học      | 1      |         |     | 1   |     | 1    |         |
| 6         | THPT Hoàng Văn Thụ        | 3      |         | 1   | 1   | 1   | 3    |         |
| 7         | THPT Trần Cao Vân         | 1      |         |     | 1   |     | 1    |         |
| 8         | THPT Lý Tự Trọng          | 27     |         | 2   | 7   | 9   | 18   |         |
| 9         | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa | 26     |         | 1   | 2   | 12  | 15   |         |
| 10        | THPT Hoàng Hoa Thám       | 20     |         | 1   | 4   | 6   | 11   |         |
| 11        | THPT Huỳnh Thúc Kháng     | 10     |         | 1   | 3   | 1   | 5    |         |
| 12        | THPT Trường Chinh         | 8      |         |     | 2   | 2   | 4    |         |
| 13        | THPT Ngô Gia Tự           | 2      |         |     |     | 1   | 1    |         |
| 14        | Phan Bội Châu-Cam Ranh    | 19     |         | 1   | 1   | 6   | 8    |         |
| 15        | THPT Trần Bình Trọng      | 17     |         | 1   |     | 6   | 7    |         |
| 16        | THPT Hà Huy Tập           | 10     |         |     |     | 3   | 3    |         |
| 17        | Nguyễn Trãi-Phan Rang     | 30     |         |     | 4   | 3   | 7    |         |
| 18        | THPT An Phước             | 9      |         | 1   |     | 1   | 2    |         |
| 19        | Phạm Văn Đồng-Nha Trang   | 5      |         |     |     | 1   | 1    |         |
| 20        | Phạm Văn Đồng-Phước Hậu   | 5      |         |     |     | 1   | 1    |         |
| 21        | THPT Ninh Hải             | 6      |         |     |     | 1   | 1    |         |
| 22        | PT DTNT THPT Ninh Thuận   | 7      |         |     |     | 1   | 1    |         |
| 23        | THPT Tháp Chàm            | 10     |         |     |     | 1   | 1    |         |
| 24        | THPT Chu Văn An           | 29     |         |     | 1   | 1   | 2    |         |
| Tổng cộng |                           | 881    | 17      | 97  | 117 | 172 | 403  |         |

**2. Kết quả giải cá nhân:** *Danh sách đính kèm*

Nhận được Công văn, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị thông báo rộng rãi để học sinh được biết./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng GDMN-GDPT;
- Lưu: VT, QLCL-CTHSSV (Trong)

**Nguyễn Đức Sơn**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN**  
**THAM DỰ KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025 - 2026**  
*(Kèm theo Công văn số /SGDDT-QLCL-CTHSSV ngày /10/2025 của Sở GDĐT)*

| TT | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|----|------|------------|----------------|--------|------------|-----------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|    |      |            |                |        |            |           |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 1  | 0026 | Toán       | Tôn Hoàng Đăng | Khoa   | 30/10/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 20,00    | 16,00  | 36,00 | Nhất |
| 2  | 0042 | Toán       | Hồ Minh        | Quang  | 15/10/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 19,00    | 16,50  | 35,50 | Nhì  |
| 3  | 0044 | Toán       | Nguyễn Thanh   | Sang   | 11/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 18,50    | 16,00  | 34,50 | Nhì  |
| 4  | 0520 | Toán       | Nguyễn Thành   | Luân   | 28/10/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 19,50    | 12,00  | 31,50 | Nhì  |
| 5  | 0001 | Toán       | Nguyễn Cao Kỳ  | An     | 11/07/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 15,50    | 14,00  | 29,50 | Nhì  |
| 6  | 0024 | Toán       | Nguyễn Hữu     | Kha    | 09/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 20,00    | 9,50   | 29,50 | Nhì  |
| 7  | 0508 | Toán       | Đăng Trần      | Hoàn   | 25/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 15,25    | 13,25  | 28,50 | Nhì  |
| 8  | 0526 | Toán       | Phạm Vinh      | Phú    | 27/05/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 15,50    | 12,50  | 28,00 | Nhì  |
| 9  | 0510 | Toán       | Hoàng Lê Anh   | Huy    | 07/01/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 15,00    | 12,50  | 27,50 | Nhì  |
| 10 | 0511 | Toán       | Nguyễn Bảo     | Huy    | 02/05/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 14,75    | 12,00  | 26,75 | Ba   |
| 11 | 0005 | Toán       | Lưu Bảo        | Anh    | 25/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 15,50    | 10,50  | 26,00 | Ba   |
| 12 | 0018 | Toán       | Hoàng Trung    | Hiếu   | 10/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 15,50    | 10,00  | 25,50 | Ba   |
| 13 | 0020 | Toán       | Nguyễn Việt    | Hoàng  | 24/10/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 15,00    | 10,50  | 25,50 | Ba   |
| 14 | 0031 | Toán       | Lê Hùng        | Minh   | 26/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 17,50    | 7,50   | 25,00 | Ba   |
| 15 | 0503 | Toán       | Nguyễn Tất Bảo | Doanh  | 24/06/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,00    | 13,00  | 25,00 | Ba   |
| 16 | 0013 | Toán       | Đoàn Thế       | Dương  | 25/08/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 16,00    | 8,00   | 24,00 | Ba   |
| 17 | 0524 | Toán       | Phạm Võ Văn    | Nguyên | 12/02/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,50    | 11,00  | 23,50 | Ba   |
| 18 | 0002 | Toán       | Bùi Tuấn       | An     | 23/07/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 13,50    | 9,50   | 23,00 | KK   |
| 19 | 0534 | Toán       | Nguyễn Đình    | Tuệ    | 27/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 17,50    | 5,50   | 23,00 | KK   |
| 20 | 0035 | Toán       | Huỳnh Quốc     | Nam    | 09/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 15,50    | 7,00   | 22,50 | KK   |
| 21 | 0003 | Toán       | Lê Việt        | Anh    | 22/03/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 14,00    | 8,00   | 22,00 | KK   |
| 22 | 0022 | Toán       | Nguyễn Thái    | Học    | 18/09/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 14,00    | 7,50   | 21,50 | KK   |

| TT | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|----|------|------------|------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|    |      |            |                  |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 23 | 0037 | Toán       | Nguyễn Lê Minh   | Nhật   | 22/06/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,50    | 8,50   | 21,00 | KK   |
| 24 | 0047 | Toán       | Đỗ Nguyễn Quốc   | Toàn   | 24/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,50    | 6,50   | 21,00 | KK   |
| 25 | 0041 | Toán       | Lê Cao Trọng     | Phước  | 25/03/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 8,50     | 12,00  | 20,50 | KK   |
| 26 | 0535 | Toán       | Tạ Nguyên Thảo   | Vân    | 19/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 14,00    | 6,50   | 20,50 | KK   |
| 27 | 0007 | Toán       | Nguyễn Văn Hoàng | Bách   | 12/01/2010 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,50    | 7,50   | 20,00 | KK   |
| 28 | 0012 | Toán       | Nguyễn Doãn      | Dũng   | 04/02/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 13,00    | 7,00   | 20,00 | KK   |
| 29 | 0028 | Toán       | Lê Thanh         | Lâm    | 24/02/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,50    | 4,50   | 20,00 | KK   |
| 30 | 0513 | Toán       | Lê Huỳnh Bảo     | Khang  | 02/11/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 15,50    | 4,50   | 20,00 | KK   |
| 31 | 0514 | Toán       | Lữ Thế           | Khang  | 03/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 11,50    | 8,50   | 20,00 | KK   |
| 32 | 0089 | Vật lí     | Nguyễn Xuân      | Thành  | 04/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 19,25    | 19,50  | 38,75 | Nhất |
| 33 | 0088 | Vật lí     | Nguyễn Đức       | Tân    | 23/10/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 19,75    | 18,50  | 38,25 | Nhất |
| 34 | 0583 | Vật lí     | Nguyễn Hữu       | Tâm    | 27/01/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 19,25    | 18,50  | 37,75 | Nhì  |
| 35 | 0074 | Vật lí     | Phan Ngọc Cao    | Lương  | 14/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,50    | 18,50  | 37,00 | Nhì  |
| 36 | 0079 | Vật lí     | Hoàng Chí        | Nguyên | 30/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,00    | 19,25  | 36,25 | Nhì  |
| 37 | 0090 | Vật lí     | Nguyễn Chiến     | Thắng  | 01/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,00    | 17,75  | 35,75 | Nhì  |
| 38 | 0054 | Vật lí     | Nguyễn Bá        | Chung  | 27/07/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,25    | 17,25  | 35,50 | Nhì  |
| 39 | 0069 | Vật lí     | Lê Quang         | Khôi   | 21/10/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,25    | 17,50  | 34,75 | Nhì  |
| 40 | 0077 | Vật lí     | Cáp Minh         | Nghĩa  | 03/08/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,50    | 17,25  | 34,75 | Nhì  |
| 41 | 0061 | Vật lí     | Hoàng Minh       | Hiếu   | 07/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,75    | 17,50  | 34,25 | Nhì  |
| 42 | 0064 | Vật lí     | Ngô Nhất Nguyên  | Khang  | 13/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,00    | 17,25  | 34,25 | Nhì  |
| 43 | 0560 | Vật lí     | Phan Gia An      | Khang  | 09/12/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 15,75    | 17,50  | 33,25 | Nhì  |
| 44 | 0070 | Vật lí     | Nguyễn Khắc Bảo  | Lâm    | 02/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,00    | 15,25  | 32,25 | Nhì  |
| 45 | 0095 | Vật lí     | Nguyễn Nhật      | Trường | 12/04/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,50    | 15,00  | 31,50 | Nhì  |
| 46 | 0071 | Vật lí     | Trần Đức         | Lập    | 26/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,25    | 17,00  | 31,25 | Ba   |
| 47 | 0084 | Vật lí     | Huỳnh Bảo        | Quang  | 08/07/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,25    | 16,75  | 31,00 | Ba   |
| 48 | 0093 | Vật lí     | Nguyễn Nguyên    | Toàn   | 11/12/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,75    | 15,25  | 31,00 | Ba   |

| TT | SBD  | Môn<br>dự thi | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|----|------|---------------|--------------------|--------|------------|--------------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|    |      |               |                    |        |            |              |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 49 | 0075 | Vật lí        | Tổng Phương        | Nam    | 25/02/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 16,25    | 14,50  | 30,75 | Ba   |
| 50 | 0056 | Vật lí        | Trần Võ Huỳnh      | Giang  | 18/06/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 14,00    | 16,00  | 30,00 | Ba   |
| 51 | 0568 | Vật lí        | Nguyễn Bảo         | Nguyên | 22/08/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 13,75    | 16,25  | 30,00 | Ba   |
| 52 | 0081 | Vật lí        | Phạm Đình Minh     | Nhật   | 25/04/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 14,25    | 15,00  | 29,25 | Ba   |
| 53 | 0086 | Vật lí        | Phan Tại           | Quân   | 07/03/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 14,50    | 14,25  | 28,75 | Ba   |
| 54 | 0057 | Vật lí        | Đỗ Đức             | Giáp   | 16/06/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 13,75    | 14,75  | 28,50 | Ba   |
| 55 | 0072 | Vật lí        | Trần Mỹ            | Linh   | 14/10/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 13,25    | 14,00  | 27,25 | Ba   |
| 56 | 0065 | Vật lí        | Nguyễn Nam         | Khánh  | 26/07/2008 | Nam          | THPT Lý Tự Trọng                | 10,50    | 16,50  | 27,00 | Ba   |
| 57 | 0542 | Vật lí        | Lê Thanh           | Bình   | 18/05/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 13,75    | 12,50  | 26,25 | Ba   |
| 58 | 0068 | Vật lí        | Lê Anh             | Khôi   | 28/08/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 13,50    | 12,50  | 26,00 | Ba   |
| 59 | 0085 | Vật lí        | Trần Minh          | Quân   | 05/09/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,25    | 12,50  | 24,75 | KK   |
| 60 | 0055 | Vật lí        | Nguyễn Trịnh Tiến  | Cường  | 24/11/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 14,00  | 24,00 | KK   |
| 61 | 0049 | Vật lí        | Hoàng              | Anh    | 18/06/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 13,00  | 23,00 | KK   |
| 62 | 0554 | Vật lí        | Nguyễn Hoàng       | Hiệp   | 14/01/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,00    | 10,75  | 22,75 | KK   |
| 63 | 0083 | Vật lí        | Võ Đàm             | Phát   | 23/10/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 11,50  | 22,50 | KK   |
| 64 | 0053 | Vật lí        | Trần Thảo          | Chi    | 19/10/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,25    | 11,00  | 22,25 | KK   |
| 65 | 0087 | Vật lí        | Đinh Nguyễn Nhật   | Quỳnh  | 06/08/2008 | Nữ           | Phan Bội Châu-Cam Ranh          | 10,00    | 12,25  | 22,25 | KK   |
| 66 | 0076 | Vật lí        | Nguyễn Huỳnh Hoàng | Nam    | 28/07/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 11,75  | 21,75 | KK   |
| 67 | 0082 | Vật lí        | Nông Gia           | Như    | 28/04/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,50    | 11,25  | 21,75 | KK   |
| 68 | 0048 | Vật lí        | Vũ Nguyễn Quốc     | Anh    | 01/06/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 10,25  | 21,25 | KK   |
| 69 | 0574 | Vật lí        | Hoàng Việt         | Phong  | 25/02/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 11,75    | 9,50   | 21,25 | KK   |
| 70 | 0062 | Vật lí        | Lê Minh            | Hoàng  | 04/12/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,50    | 10,50  | 21,00 | KK   |
| 71 | 0541 | Vật lí        | Văn Công Thái      | Bảo    | 16/11/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,50    | 10,25  | 20,75 | KK   |
| 72 | 0058 | Vật lí        | Lê Hoàng           | Hải    | 08/08/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 8,25     | 12,25  | 20,50 | KK   |
| 73 | 0060 | Vật lí        | Lê Hoàng Minh      | Hiếu   | 02/07/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 10,25  | 20,25 | KK   |
| 74 | 0050 | Vật lí        | Mai Quỳnh          | Anh    | 27/12/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 8,50     | 11,50  | 20,00 | KK   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                  |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 75  | 0063 | Vật lí     | Phan Gia         | Huy    | 24/12/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,00    | 10,00  | 20,00 | KK   |
| 76  | 0066 | Vật lí     | Châu Tấn         | Khiêm  | 27/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,00    | 10,00  | 20,00 | KK   |
| 77  | 0540 | Vật lí     | Từ Nguyễn Thiên  | Ân     | 09/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 10,00    | 10,00  | 20,00 | KK   |
| 78  | 0131 | Hóa học    | Phạm Thái        | Vinh   | 08/05/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 19,000   | 18,500 | 37,50 | Nhất |
| 79  | 0109 | Hóa học    | Ngô Tuấn         | Kiệt   | 23/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,750   | 19,000 | 35,75 | Nhì  |
| 80  | 0127 | Hóa học    | Ngô Anh          | Toàn   | 02/10/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,000   | 17,750 | 35,75 | Nhì  |
| 81  | 0605 | Hóa học    | Đồng Ngụy An     | Khang  | 02/12/2008 | Nam       | THPT An Phước                | 17,750   | 18,000 | 35,75 | Nhì  |
| 82  | 0122 | Hóa học    | Nguyễn Phan Phúc | Thịnh  | 05/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,250   | 16,875 | 35,13 | Nhì  |
| 83  | 0106 | Hóa học    | Nguyễn Anh       | Khoa   | 02/02/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,750   | 18,250 | 35,00 | Nhì  |
| 84  | 0118 | Hóa học    | Đặng Minh        | Phú    | 05/03/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 19,500   | 15,500 | 35,00 | Nhì  |
| 85  | 0107 | Hóa học    | Nguyễn Minh      | Khôi   | 02/11/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,375   | 19,500 | 33,88 | Ba   |
| 86  | 0110 | Hóa học    | Nguyễn Tuấn      | Kiệt   | 02/10/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,000   | 17,750 | 33,75 | Ba   |
| 87  | 0624 | Hóa học    | Nguyễn Mạnh      | Tường  | 25/02/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 16,500   | 15,500 | 32,00 | Ba   |
| 88  | 0614 | Hóa học    | Nguyễn Minh      | Quốc   | 19/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 17,250   | 13,500 | 30,75 | Ba   |
| 89  | 0105 | Hóa học    | Đoàn Huy         | Khang  | 24/10/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,000   | 16,375 | 30,38 | Ba   |
| 90  | 0111 | Hóa học    | Huỳnh Thiên      | Kỳ     | 07/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,875   | 13,375 | 28,25 | Ba   |
| 91  | 0114 | Hóa học    | Ngô Hoàng Khôi   | Nguyên | 15/01/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,375   | 15,875 | 27,25 | Ba   |
| 92  | 0103 | Hóa học    | Phạm Chí         | Hùng   | 26/08/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,000   | 15,750 | 25,75 | Ba   |
| 93  | 0102 | Hóa học    | Mai Danh Quốc    | Hùng   | 12/08/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,125   | 11,000 | 25,13 | KK   |
| 94  | 0621 | Hóa học    | Võ Khánh         | Trầm   | 04/05/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 13,625   | 11,000 | 24,63 | KK   |
| 95  | 0097 | Hóa học    | Nguyễn Vân       | An     | 21/10/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,375   | 8,000  | 23,38 | KK   |
| 96  | 0108 | Hóa học    | Châu Mai         | Khôi   | 09/07/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,000   | 8,750  | 22,75 | KK   |
| 97  | 0623 | Hóa học    | Huỳnh Anh        | Tú     | 28/05/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 13,750   | 8,000  | 21,75 | KK   |
| 98  | 0132 | Hóa học    | Huỳnh Anh        | Vũ     | 09/08/2008 | Nam       | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa    | 10,125   | 11,250 | 21,38 | KK   |
| 99  | 0099 | Hóa học    | Trần Ngọc        | Hào    | 02/10/2009 | Nam       | Phan Bội Châu-Cam Ranh       | 7,750    | 13,375 | 21,13 | KK   |
| 100 | 0608 | Hóa học    | Phạm Thảo        | Linh   | 05/01/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,500   | 8,500  | 21,00 | KK   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|-------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                   |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 101 | 0121 | Hóa học    | Nguyễn Quốc       | Thắng  | 29/04/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,875   | 7,750  | 20,63 | KK   |
| 102 | 0596 | Hóa học    | Trần Võ Gia       | Bảo    | 13/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,125   | 8,000  | 20,13 | KK   |
| 103 | 0168 | Sinh học   | Đoàn Thanh        | Tùng   | 19/05/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,25    | 17,00  | 35,25 | Nhất |
| 104 | 0154 | Sinh học   | Cao Huỳnh Minh    | Nhật   | 20/08/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,75    | 17,00  | 34,75 | Nhì  |
| 105 | 0148 | Sinh học   | Nguyễn Mai        | Linh   | 12/04/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,50    | 16,25  | 33,75 | Nhì  |
| 106 | 0138 | Sinh học   | Trần Vũ           | Dũng   | 08/02/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,50    | 16,00  | 31,50 | Nhì  |
| 107 | 0158 | Sinh học   | Nguyễn Việt       | Thanh  | 13/03/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,00    | 13,00  | 30,00 | Nhì  |
| 108 | 0157 | Sinh học   | Trịnh Huỳnh Thịnh | Quốc   | 20/05/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,50    | 10,50  | 26,00 | Ba   |
| 109 | 0643 | Sinh học   | Hoàng Khôi        | Nguyên | 10/07/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,50    | 13,00  | 25,50 | Ba   |
| 110 | 0133 | Sinh học   | Lê Trần Minh      | Anh    | 23/08/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,00    | 11,00  | 25,00 | Ba   |
| 111 | 0147 | Sinh học   | Nguyễn Thị Thanh  | Lâm    | 15/06/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,50    | 12,25  | 24,75 | Ba   |
| 112 | 0146 | Sinh học   | Nguyễn Trọng      | Khôi   | 10/02/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,75    | 10,75  | 22,50 | KK   |
| 113 | 0159 | Sinh học   | Nguyễn Xuân       | Thắng  | 12/12/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,75    | 9,75   | 22,50 | KK   |
| 114 | 0160 | Sinh học   | Trần Minh         | Thư    | 01/05/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,50    | 11,00  | 22,50 | KK   |
| 115 | 0140 | Sinh học   | Lương Quốc        | Đạt    | 15/07/2009 | Nam       | THPT Lý Tự Trọng             | 11,75    | 10,00  | 21,75 | KK   |
| 116 | 0170 | Sinh học   | Nguyễn Lê Thuỳ    | Uyên   | 24/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,25    | 10,00  | 21,25 | KK   |
| 117 | 0134 | Sinh học   | Trần Minh         | Anh    | 07/12/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,00    | 8,75   | 20,75 | KK   |
| 118 | 0646 | Sinh học   | Nguyễn Hoàng Bích | Nhi    | 06/05/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 9,25     | 10,75  | 20,00 | KK   |
| 119 | 0216 | Ngữ văn    | Nguyễn Hoàng Nhật | Linh   | 24/10/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,75    | 15,00  | 31,75 | Nhất |
| 120 | 0202 | Ngữ văn    | Nguyễn Lê Minh    | Huy    | 19/06/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,00    | 16,00  | 30,00 | Nhất |
| 121 | 0203 | Ngữ văn    | Phạm Gia          | Hưng   | 26/01/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,75    | 12,50  | 29,25 | Nhất |
| 122 | 0264 | Ngữ văn    | Phạm Phương       | Trang  | 17/10/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,00    | 13,00  | 28,00 | Nhất |
| 123 | 0192 | Ngữ văn    | Nguyễn Minh       | Hằng   | 13/10/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,00    | 13,00  | 27,00 | Nhì  |
| 124 | 0242 | Ngữ văn    | Nguyễn Minh       | Phương | 14/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,00    | 16,00  | 27,00 | Nhì  |
| 125 | 0271 | Ngữ văn    | Hồ Vũ Minh        | Tuệ    | 24/05/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,00    | 12,00  | 27,00 | Nhì  |
| 126 | 0715 | Ngữ văn    | Hà Minh           | Tân    | 06/11/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 13,00    | 14,00  | 27,00 | Nhì  |

| TT  | SBD  | Môn<br>dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|---------------|-------------------|--------|------------|--------------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |               |                   |        |            |              |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 127 | 0247 | Ngữ văn       | Nguyễn Bảo        | Quyên  | 26/02/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,75    | 14,00  | 26,75 | Nhì  |
| 128 | 0238 | Ngữ văn       | Nguyễn Hoàng Lan  | Nhi    | 10/11/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 13,25    | 13,25  | 26,50 | Nhì  |
| 129 | 0722 | Ngữ văn       | Phạm Thị Anh      | Thư    | 23/10/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,50    | 14,00  | 26,50 | Nhì  |
| 130 | 0224 | Ngữ văn       | Nguyễn Phan Kiều  | My     | 29/08/2008 | Nữ           | THPT Lý Tự Trọng                | 13,50    | 12,25  | 25,75 | Nhì  |
| 131 | 0185 | Ngữ văn       | Nguyễn Ngọc Linh  | Đan    | 07/08/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,50    | 14,00  | 25,50 | Nhì  |
| 132 | 0228 | Ngữ văn       | Nguyễn Khánh      | Ngọc   | 30/05/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 14,50  | 25,50 | Nhì  |
| 133 | 0246 | Ngữ văn       | Lê Thị Minh       | Phương | 15/02/2008 | Nữ           | THPT Lý Tự Trọng                | 13,00    | 12,50  | 25,50 | Nhì  |
| 134 | 0234 | Ngữ văn       | Mai Lê Như        | Nguyệt | 18/01/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 14,00  | 25,00 | Nhì  |
| 135 | 0259 | Ngữ văn       | Vũ Lê Anh         | Thư    | 02/04/2009 | Nữ           | THPT Nguyễn Văn Trỗi            | 15,00    | 10,00  | 25,00 | Nhì  |
| 136 | 0673 | Ngữ văn       | Lê Nguyễn Minh    | Đan    | 12/07/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 13,50    | 11,50  | 25,00 | Nhì  |
| 137 | 0695 | Ngữ văn       | Trần Mai Hoàng    | My     | 25/06/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 13,00    | 12,00  | 25,00 | Nhì  |
| 138 | 0724 | Ngữ văn       | Trần Kim          | Thy    | 29/02/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,00    | 13,00  | 25,00 | Nhì  |
| 139 | 0200 | Ngữ văn       | Trần Nguyễn Gia   | Hòa    | 09/10/2008 | Nữ           | THPT Hoàng Văn Thụ              | 9,00     | 15,75  | 24,75 | Nhì  |
| 140 | 0241 | Ngữ văn       | Lý Gia            | Phụng  | 30/12/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,00    | 12,50  | 24,50 | Nhì  |
| 141 | 0211 | Ngữ văn       | Nguyễn Tường Thảo | Lam    | 15/08/2008 | Nữ           | THPT Nguyễn Văn Trỗi            | 12,00    | 12,00  | 24,00 | Nhì  |
| 142 | 0243 | Ngữ văn       | Đinh Hoàng Mỹ     | Phương | 28/11/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,00    | 12,00  | 24,00 | Nhì  |
| 143 | 0235 | Ngữ văn       | Lê Phương         | Nhã    | 13/07/2008 | Nữ           | THPT Lý Tự Trọng                | 13,00    | 10,50  | 23,50 | Ba   |
| 144 | 0273 | Ngữ văn       | Dương Phương      | Uyên   | 29/09/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 12,50  | 23,50 | Ba   |
| 145 | 0668 | Ngữ văn       | Lê Thị Mai        | Doanh  | 22/01/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 13,50    | 10,00  | 23,50 | Ba   |
| 146 | 0734 | Ngữ văn       | Trần Lê Phương    | Uyên   | 20/09/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,00    | 11,50  | 23,50 | Ba   |
| 147 | 0268 | Ngữ văn       | Đỗ Thị Thanh      | Trúc   | 06/09/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,25    | 11,00  | 23,25 | Ba   |
| 148 | 0204 | Ngữ văn       | Nguyễn Quốc       | Hưng   | 21/03/2008 | Nam          | THPT Hoàng Văn Thụ              | 11,00    | 12,00  | 23,00 | Ba   |
| 149 | 0217 | Ngữ văn       | Lê Huỳnh Khánh    | Linh   | 04/07/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,00    | 11,00  | 23,00 | Ba   |
| 150 | 0227 | Ngữ văn       | Nguyễn Ánh        | Ngọc   | 18/04/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,50    | 10,50  | 23,00 | Ba   |
| 151 | 0248 | Ngữ văn       | Đinh Võ Như       | Quỳnh  | 03/02/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 12,00  | 23,00 | Ba   |
| 152 | 0249 | Ngữ văn       | Ngô Vân Nhật      | Quỳnh  | 11/03/2008 | Nữ           | THPT Hoàng Hoa Thám             | 12,00    | 11,00  | 23,00 | Ba   |

| TT  | SBD  | Môn<br>dự thi | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|---------------|--------------------|-------|------------|--------------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |               |                    |       |            |              |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 153 | 0685 | Ngữ văn       | Trần Đăng          | Kha   | 18/03/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,00    | 11,00  | 23,00 | Ba   |
| 154 | 0691 | Ngữ văn       | Phạm Vũ Khánh      | Linh  | 08/12/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 11,50    | 11,50  | 23,00 | Ba   |
| 155 | 0180 | Ngữ văn       | Trần Quỳnh         | Chi   | 22/07/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,75    | 11,00  | 22,75 | Ba   |
| 156 | 0198 | Ngữ văn       | Nguyễn Hoàng Trọng | Hiếu  | 25/02/2008 | Nam          | Phan Bội Châu-Cam Ranh          | 12,00    | 10,50  | 22,50 | Ba   |
| 157 | 0226 | Ngữ văn       | Huỳnh Hoàng        | Ngân  | 04/02/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 11,50  | 22,50 | Ba   |
| 158 | 0666 | Ngữ văn       | Bùi Thị Kim        | Chi   | 04/10/2008 | Nữ           | Nguyễn Trãi-Phan Rang           | 10,50    | 12,00  | 22,50 | Ba   |
| 159 | 0674 | Ngữ văn       | Nguyễn Vũ Trang    | Đài   | 04/01/2008 | Nữ           | Nguyễn Trãi-Phan Rang           | 12,50    | 10,00  | 22,50 | Ba   |
| 160 | 0687 | Ngữ văn       | Nguyễn Bảo         | Khánh | 05/07/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,50    | 10,00  | 22,50 | Ba   |
| 161 | 0720 | Ngữ văn       | Phạm Phương        | Thùy  | 25/01/2008 | Nữ           | THPT Trường Chinh               | 11,50    | 11,00  | 22,50 | Ba   |
| 162 | 0205 | Ngữ văn       | Huỳnh Nguyễn Thế   | Khải  | 05/07/2009 | Nam          | THPT Huỳnh Thúc Kháng           | 11,00    | 11,00  | 22,00 | Ba   |
| 163 | 0253 | Ngữ văn       | Trần Thoa          | Thảo  | 20/04/2009 | Nữ           | THPT Hoàng Hoa Thám             | 11,50    | 10,50  | 22,00 | Ba   |
| 164 | 0278 | Ngữ văn       | Trương Tiểu        | Yến   | 19/02/2008 | Nữ           | THPT Trần Cao Vân               | 12,00    | 10,00  | 22,00 | Ba   |
| 165 | 0681 | Ngữ văn       | Nguyễn Gia         | Hân   | 20/02/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 11,00    | 11,00  | 22,00 | Ba   |
| 166 | 0723 | Ngữ văn       | Nguyễn Anh         | Thy   | 18/03/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,00    | 12,00  | 22,00 | Ba   |
| 167 | 0725 | Ngữ văn       | Lê Ngọc Thủy       | Tiên  | 18/05/2008 | Nữ           | Nguyễn Trãi-Phan Rang           | 13,00    | 9,00   | 22,00 | Ba   |
| 168 | 0177 | Ngữ văn       | Võ Ngọc Nhân       | Ái    | 03/07/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,50    | 11,25  | 21,75 | Ba   |
| 169 | 0195 | Ngữ văn       | Lưu Gia            | Hân   | 01/01/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,75    | 10,00  | 21,75 | Ba   |
| 170 | 0208 | Ngữ văn       | Hồ An              | Khánh | 30/06/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 10,50  | 21,50 | KK   |
| 171 | 0269 | Ngữ văn       | Đỗ Vương Thanh     | Trúc  | 24/04/2008 | Nữ           | Phan Bội Châu-Cam Ranh          | 12,50    | 9,00   | 21,50 | KK   |
| 172 | 0663 | Ngữ văn       | Nguyễn Quỳnh       | Anh   | 13/10/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,50    | 11,00  | 21,50 | KK   |
| 173 | 0686 | Ngữ văn       | Lê Trần Bảo        | Khánh | 12/01/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,75    | 8,75   | 21,50 | KK   |
| 174 | 0690 | Ngữ văn       | Huỳnh Dương Mai    | Linh  | 04/12/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 11,50    | 10,00  | 21,50 | KK   |
| 175 | 0181 | Ngữ văn       | Võ Doanh           | Doanh | 08/06/2008 | Nữ           | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 11,00    | 10,00  | 21,00 | KK   |
| 176 | 0186 | Ngữ văn       | Nguyễn Văn         | Đại   | 27/10/2010 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,50    | 10,50  | 21,00 | KK   |
| 177 | 0187 | Ngữ văn       | Võ Trương Linh     | Đoan  | 15/07/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 8,50     | 12,50  | 21,00 | KK   |
| 178 | 0191 | Ngữ văn       | Huỳnh Hoa Khánh    | Hà    | 30/01/2008 | Nữ           | THPT Trần Quý Cáp               | 11,00    | 10,00  | 21,00 | KK   |

| TT  | SBD  | Môn<br>dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|---------------|-------------------|--------|------------|--------------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |               |                   |        |            |              |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 179 | 0212 | Ngữ văn       | Ngô Thị Mai       | Lan    | 15/03/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 10,00  | 21,00 | KK   |
| 180 | 0219 | Ngữ văn       | Huỳnh Khánh       | Linh   | 28/09/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 11,00  | 21,00 | KK   |
| 181 | 0220 | Ngữ văn       | Nguyễn Ngọc Khánh | Linh   | 18/01/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 10,00  | 21,00 | KK   |
| 182 | 0229 | Ngữ văn       | Nguyễn Hoàng Bảo  | Ngọc   | 09/03/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,00    | 9,00   | 21,00 | KK   |
| 183 | 0254 | Ngữ văn       | Bùi Hoàng Quốc    | Thịnh  | 31/03/2008 | Nam          | THPT Hoàng Văn Thụ              | 10,00    | 11,00  | 21,00 | KK   |
| 184 | 0276 | Ngữ văn       | Nguyễn Thị Yến    | Vy     | 15/02/2008 | Nữ           | THPT Ngô Gia Tự                 | 11,00    | 10,00  | 21,00 | KK   |
| 185 | 0661 | Ngữ văn       | Đoàn Diệp Minh    | Anh    | 30/05/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 11,00    | 10,00  | 21,00 | KK   |
| 186 | 0199 | Ngữ văn       | Huỳnh Gia         | Hoàng  | 02/08/2008 | Nữ           | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 11,25    | 9,50   | 20,75 | KK   |
| 187 | 0274 | Ngữ văn       | Trần Phúc Gia     | Viên   | 20/07/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,75    | 10,00  | 20,75 | KK   |
| 188 | 0174 | Ngữ văn       | Nguyễn Mai Quỳnh  | An     | 11/01/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 8,50     | 12,00  | 20,50 | KK   |
| 189 | 0201 | Ngữ văn       | Hoàng Gia         | Huy    | 10/11/2009 | Nam          | THPT Trần Bình Trọng            | 9,00     | 11,50  | 20,50 | KK   |
| 190 | 0210 | Ngữ văn       | Nguyễn Mỹ         | Kỳ     | 25/04/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,00    | 8,50   | 20,50 | KK   |
| 191 | 0213 | Ngữ văn       | Chu Nguyễn Nhật   | Lâm    | 02/01/2010 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,50    | 10,00  | 20,50 | KK   |
| 192 | 0233 | Ngữ văn       | Phạm An           | Nguyên | 18/11/2008 | Nữ           | Phạm Văn Đồng-Nha Trang         | 11,00    | 9,50   | 20,50 | KK   |
| 193 | 0251 | Ngữ văn       | Đỗ Lê Thanh       | Tâm    | 02/11/2008 | Nữ           | THPT Lý Tự Trọng                | 11,50    | 9,00   | 20,50 | KK   |
| 194 | 0252 | Ngữ văn       | Nguyễn Phương     | Thảo   | 17/11/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,50    | 9,00   | 20,50 | KK   |
| 195 | 0257 | Ngữ văn       | Nguyễn Anh        | Thư    | 08/04/2009 | Nữ           | THPT Hoàng Hoa Thám             | 10,50    | 10,00  | 20,50 | KK   |
| 196 | 0258 | Ngữ văn       | Lê Đặng Trang Anh | Thư    | 12/11/2008 | Nữ           | THPT Hà Huy Tập                 | 10,50    | 10,00  | 20,50 | KK   |
| 197 | 0677 | Ngữ văn       | Phạm Lê Xuân      | Hà     | 08/03/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,50    | 10,00  | 20,50 | KK   |
| 198 | 0676 | Ngữ văn       | Nguyễn Thị Ngọc   | Giang  | 20/08/2008 | Nữ           | THPT Trường Chinh               | 10,25    | 10,00  | 20,25 | KK   |
| 199 | 0176 | Ngữ văn       | Bành Xuân         | Anh    | 02/07/2009 | Nữ           | THPT Lý Tự Trọng                | 11,00    | 9,00   | 20,00 | KK   |
| 200 | 0189 | Ngữ văn       | Hoàng Hương       | Giang  | 08/02/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 10,00  | 20,00 | KK   |
| 201 | 0197 | Ngữ văn       | Phan Võ Ngọc      | Hậu    | 22/07/2009 | Nữ           | Phan Bội Châu-Cam Ranh          | 8,00     | 12,00  | 20,00 | KK   |
| 202 | 0225 | Ngữ văn       | Nguyễn Võ Hoàng   | Mỹ     | 26/03/2009 | Nữ           | THPT Hà Huy Tập                 | 11,00    | 9,00   | 20,00 | KK   |
| 203 | 0232 | Ngữ văn       | Nguyễn Thái Bảo   | Ngọc   | 13/09/2008 | Nữ           | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 11,00    | 9,00   | 20,00 | KK   |
| 204 | 0244 | Ngữ văn       | Trương Tiểu       | Phương | 02/10/2009 | Nữ           | THPT Hà Huy Tập                 | 11,50    | 8,50   | 20,00 | KK   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|-------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                   |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 205 | 0262 | Ngữ văn    | Nguyễn Ngọc Thủy  | Tiên   | 07/07/2009 | Nữ        | THPT Nguyễn Văn Trỗi         | 9,00     | 11,00  | 20,00 | KK   |
| 206 | 0667 | Ngữ văn    | Bùi Nhã Thiên     | Di     | 31/12/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,00    | 8,00   | 20,00 | KK   |
| 207 | 0670 | Ngữ văn    | Bá Thị Mỹ         | Dung   | 04/02/2008 | Nữ        | PT DTNT THPT Ninh Thuận      | 11,00    | 9,00   | 20,00 | KK   |
| 208 | 0680 | Ngữ văn    | Đặng Thu          | Hằng   | 16/05/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 11,50    | 8,50   | 20,00 | KK   |
| 209 | 0689 | Ngữ văn    | Đồng Nhật         | Kỳ     | 03/12/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 10,00    | 10,00  | 20,00 | KK   |
| 210 | 0281 | Lịch sử    | Nguyễn Lê Công    | Bách   | 21/08/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,25    | 19,25  | 37,50 | Nhất |
| 211 | 0308 | Lịch sử    | Trần Nữ Khánh     | My     | 23/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,50    | 16,75  | 34,25 | Nhất |
| 212 | 0286 | Lịch sử    | Trần Nguyễn Khánh | Duy    | 11/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,00    | 17,75  | 33,75 | Nhất |
| 213 | 0293 | Lịch sử    | Nguyễn Ngọc Gia   | Hân    | 18/08/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,50    | 17,50  | 33,00 | Nhì  |
| 214 | 0321 | Lịch sử    | Trần Nguyên       | Thông  | 09/03/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,25    | 16,25  | 32,50 | Nhì  |
| 215 | 0317 | Lịch sử    | Trần Hoàng        | Phúc   | 16/10/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,25    | 16,75  | 32,00 | Nhì  |
| 216 | 0300 | Lịch sử    | Huỳnh Anh         | Kiệt   | 24/03/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,25    | 16,00  | 31,25 | Nhì  |
| 217 | 0294 | Lịch sử    | Lê Nguyễn Hồng    | Huệ    | 28/04/2008 | Nữ        | THPT Trần Quý Cáp            | 14,75    | 15,50  | 30,25 | Nhì  |
| 218 | 0318 | Lịch sử    | Cao Minh          | Phuong | 07/01/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,75    | 13,50  | 29,25 | Nhì  |
| 219 | 0305 | Lịch sử    | Trần Đức          | Lương  | 06/07/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,50    | 14,50  | 29,00 | Nhì  |
| 220 | 0292 | Lịch sử    | Đặng Hoàng Bảo    | Hân    | 04/04/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,50    | 16,25  | 28,75 | Nhì  |
| 221 | 0329 | Lịch sử    | Lê Nguyễn Thanh   | Tú     | 01/03/2008 | Nữ        | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa    | 12,50    | 15,00  | 27,50 | Nhì  |
| 222 | 0289 | Lịch sử    | Lê Minh           | Đạt    | 26/02/2009 | Nam       | Phan Bội Châu-Cam Ranh       | 13,50    | 13,25  | 26,75 | Nhì  |
| 223 | 0291 | Lịch sử    | Nguyễn Việt       | Hằng   | 17/06/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,00    | 14,75  | 26,75 | Nhì  |
| 224 | 0314 | Lịch sử    | Lê Ngọc           | Nhi    | 20/04/2008 | Nữ        | THPT Huỳnh Thúc Kháng        | 13,00    | 13,75  | 26,75 | Nhì  |
| 225 | 0799 | Lịch sử    | Lê Quỳnh          | Trang  | 26/11/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,50    | 14,00  | 26,50 | Nhì  |
| 226 | 0303 | Lịch sử    | Phan Nguyễn Thùy  | Lâm    | 06/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,50    | 13,75  | 26,25 | Nhì  |
| 227 | 0304 | Lịch sử    | Trần Hoàng        | Linh   | 18/09/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,50    | 14,75  | 26,25 | Nhì  |
| 228 | 0307 | Lịch sử    | Nguyễn Hoàng Trà  | My     | 04/09/2008 | Nữ        | THPT Trần Quý Cáp            | 12,25    | 14,00  | 26,25 | Nhì  |
| 229 | 0746 | Lịch sử    | Trần Nguyễn Khánh | Chi    | 29/02/2008 | Nữ        | Nguyễn Trãi-Phan Rang        | 12,25    | 13,75  | 26,00 | Ba   |
| 230 | 0288 | Lịch sử    | Hoàng Khánh       | Đan    | 23/10/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,00    | 13,75  | 25,75 | Ba   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|--------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                    |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 231 | 0763 | Lịch sử    | Nguyễn Trần Tuyết  | Lê     | 06/09/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 11,50    | 14,25  | 25,75 | Ba   |
| 232 | 0322 | Lịch sử    | Nguyễn Lê Bảo      | Tiên   | 25/11/2008 | Nữ        | THPT Nguyễn Thái Học         | 12,25    | 13,25  | 25,50 | Ba   |
| 233 | 0282 | Lịch sử    | Nguyễn Trần Minh   | Châu   | 09/06/2008 | Nữ        | THPT Hoàng Hoa Thám          | 11,00    | 14,00  | 25,00 | Ba   |
| 234 | 0285 | Lịch sử    | Hà Mỹ              | Diệp   | 01/10/2008 | Nữ        | THPT Lý Tự Trọng             | 13,50    | 11,25  | 24,75 | Ba   |
| 235 | 0328 | Lịch sử    | Trương Thủy Thanh  | Tuyền  | 28/04/2009 | Nữ        | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa    | 13,00    | 11,75  | 24,75 | Ba   |
| 236 | 0312 | Lịch sử    | Ngô Lê Bảo         | Ngọc   | 16/09/2008 | Nữ        | THPT Lý Tự Trọng             | 12,25    | 12,25  | 24,50 | Ba   |
| 237 | 0325 | Lịch sử    | Nguyễn Thành Ngọc  | Trâm   | 09/11/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,25    | 10,00  | 24,25 | Ba   |
| 238 | 0782 | Lịch sử    | Nguyễn Trần Bảo    | Phương | 13/10/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,25    | 11,50  | 23,75 | Ba   |
| 239 | 0783 | Lịch sử    | Bùi Đức            | Quân   | 19/11/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 11,75    | 12,00  | 23,75 | Ba   |
| 240 | 0299 | Lịch sử    | Bạch Huỳnh Anh     | Khương | 06/03/2008 | Nam       | THPT Huỳnh Thúc Kháng        | 10,75    | 12,75  | 23,50 | Ba   |
| 241 | 0772 | Lịch sử    | Nguyễn Hoàng Thanh | Nhã    | 16/02/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 10,50    | 13,00  | 23,50 | Ba   |
| 242 | 0784 | Lịch sử    | Lê Thùy Ái         | Quyên  | 12/06/2008 | Nữ        | THPT Trường Chinh            | 12,50    | 11,00  | 23,50 | Ba   |
| 243 | 0330 | Lịch sử    | Sử Ngọc Bảo        | Vy     | 17/04/2008 | Nữ        | THPT Hoàng Hoa Thám          | 10,00    | 13,00  | 23,00 | Ba   |
| 244 | 0310 | Lịch sử    | Lê Đông Uyên       | Nghi   | 11/10/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,50    | 11,25  | 22,75 | Ba   |
| 245 | 0805 | Lịch sử    | Lê Bình Phương     | Uyên   | 28/06/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 10,25    | 12,50  | 22,75 | Ba   |
| 246 | 0290 | Lịch sử    | Trần Thị Hương     | Giang  | 05/01/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,75    | 11,75  | 22,50 | KK   |
| 247 | 0301 | Lịch sử    | Lưu Trần Diệu      | Kỳ     | 04/07/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,00    | 10,50  | 22,50 | KK   |
| 248 | 0315 | Lịch sử    | Bùi Võ Xuân        | Phi    | 23/06/2008 | Nam       | THPT Lý Tự Trọng             | 10,25    | 12,25  | 22,50 | KK   |
| 249 | 0316 | Lịch sử    | Nguyễn Thị Hồng    | Phúc   | 02/04/2009 | Nữ        | THPT Lý Tự Trọng             | 11,00    | 11,50  | 22,50 | KK   |
| 250 | 0754 | Lịch sử    | Nguyễn Phạm Thái   | Khang  | 19/08/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 10,00    | 12,50  | 22,50 | KK   |
| 251 | 0800 | Lịch sử    | Nguyễn Thành Ngọc  | Trâm   | 16/07/2008 | Nữ        | THPT An Phước                | 9,50     | 13,00  | 22,50 | KK   |
| 252 | 0309 | Lịch sử    | Lê Đặng Kim        | Ngân   | 13/11/2008 | Nữ        | THPT Hoàng Hoa Thám          | 10,00    | 12,25  | 22,25 | KK   |
| 253 | 0323 | Lịch sử    | Lê Thị Thanh       | Trang  | 23/10/2008 | Nữ        | THPT Huỳnh Thúc Kháng        | 11,25    | 11,00  | 22,25 | KK   |
| 254 | 0781 | Lịch sử    | Nguyễn Lê Uyên     | Phương | 23/08/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 10,00    | 12,00  | 22,00 | KK   |
| 255 | 0284 | Lịch sử    | Bùi Ngọc Quế       | Diệp   | 24/11/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,00    | 11,75  | 21,75 | KK   |
| 256 | 0777 | Lịch sử    | Nguyễn Văn         | Phát   | 01/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 7,75     | 14,00  | 21,75 | KK   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|-------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                   |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 257 | 0804 | Lịch sử    | Phạm Thị Yến      | Trinh  | 06/01/2007 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 6,75     | 14,75  | 21,50 | KK   |
| 258 | 0280 | Lịch sử    | Nguyễn Hoàng Tuấn | Anh    | 26/10/2009 | Nam       | THPT Lý Tự Trọng             | 10,00    | 11,25  | 21,25 | KK   |
| 259 | 0302 | Lịch sử    | Nguyễn Thiên      | Kỳ     | 01/10/2008 | Nam       | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa    | 10,00    | 11,25  | 21,25 | KK   |
| 260 | 0764 | Lịch sử    | Hạ Lê Phương      | Linh   | 15/05/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 7,50     | 13,75  | 21,25 | KK   |
| 261 | 0787 | Lịch sử    | Đổng Ngọc Thiên   | Thanh  | 07/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 6,50     | 14,75  | 21,25 | KK   |
| 262 | 0743 | Lịch sử    | Trần Gia          | Bảo    | 26/03/2008 | Nam       | Nguyễn Trãi-Phan Rang        | 8,50     | 12,50  | 21,00 | KK   |
| 263 | 0324 | Lịch sử    | Phạm Thu          | Trang  | 25/02/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,00    | 10,75  | 20,75 | KK   |
| 264 | 0760 | Lịch sử    | Võ Hoàng Anh      | Khương | 13/06/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 8,00     | 12,75  | 20,75 | KK   |
| 265 | 0283 | Lịch sử    | Nguyễn Phạm Ngọc  | Châu   | 08/10/2009 | Nữ        | THPT Hoàng Hoa Thám          | 10,50    | 10,00  | 20,50 | KK   |
| 266 | 0326 | Lịch sử    | Đặng Nguyễn Bảo   | Trân   | 13/06/2009 | Nữ        | THPT Hoàng Hoa Thám          | 9,25     | 11,25  | 20,50 | KK   |
| 267 | 0774 | Lịch sử    | Nguyễn Trần Trúc  | Như    | 21/11/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 9,00     | 11,50  | 20,50 | KK   |
| 268 | 0773 | Lịch sử    | Bùi Ngọc Xuân     | Nhi    | 22/09/2010 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 8,75     | 11,50  | 20,25 | KK   |
| 269 | 0788 | Lịch sử    | Nguyễn Lê Thanh   | Thảo   | 13/07/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 7,00     | 13,25  | 20,25 | KK   |
| 270 | 0297 | Lịch sử    | Huỳnh Ngọc An     | Khôi   | 21/09/2010 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 10,00    | 10,00  | 20,00 | KK   |
| 271 | 0327 | Lịch sử    | Hồ Lê Minh        | Trí    | 25/11/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 8,75     | 11,25  | 20,00 | KK   |
| 272 | 0761 | Lịch sử    | Nguyễn Ngọc Hoàng | Kim    | 30/05/2008 | Nữ        | THPT Chu Văn An              | 9,50     | 10,50  | 20,00 | KK   |
| 273 | 0347 | Địa lí     | Nguyễn Lê Khánh   | Ly     | 30/07/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,50    | 19,00  | 37,50 | Nhất |
| 274 | 0344 | Địa lí     | Đinh Thị Khánh    | Linh   | 06/10/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,75    | 17,00  | 32,75 | Nhì  |
| 275 | 0350 | Địa lí     | Nguyễn Khánh      | Ngọc   | 26/09/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 15,00    | 17,00  | 32,00 | Nhì  |
| 276 | 0345 | Địa lí     | Lê Phan Thùy      | Linh   | 28/09/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,75    | 16,75  | 31,50 | Nhì  |
| 277 | 0352 | Địa lí     | Dương Thanh       | Thảo   | 30/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,00    | 17,50  | 31,50 | Nhì  |
| 278 | 0834 | Địa lí     | Nguyễn Quốc       | Thắng  | 10/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 16,25    | 14,75  | 31,00 | Nhì  |
| 279 | 0334 | Địa lí     | Ninh Hoàng        | Bình   | 08/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,50    | 16,00  | 30,50 | Nhì  |
| 280 | 0823 | Địa lí     | Nguyễn Hoàng      | Kim    | 28/09/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 16,75    | 13,50  | 30,25 | Nhì  |
| 281 | 0339 | Địa lí     | Lê Nguyễn Tùng    | Dương  | 15/10/2008 | Nam       | THPT Trần Bình Trọng         | 13,00    | 14,75  | 27,75 | Nhì  |
| 282 | 0817 | Địa lí     | Huỳnh Gia         | Hân    | 16/09/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 15,25    | 12,25  | 27,50 | Nhì  |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|-------------------|-------|------------|-----------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                   |       |            |           |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 283 | 0332 | Địa lí     | Lê Hoài           | Anh   | 13/08/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 13,50    | 13,75  | 27,25 | Ba   |
| 284 | 0340 | Địa lí     | Ngô Minh          | Đàn   | 25/11/2009 | Nam       | THPT Huỳnh Thúc Kháng           | 12,25    | 14,75  | 27,00 | Ba   |
| 285 | 0836 | Địa lí     | Phan Thị Kim      | Thoa  | 22/03/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 13,50    | 12,25  | 25,75 | Ba   |
| 286 | 0809 | Địa lí     | Võ Ngọc Diệu      | Châu  | 05/12/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,25    | 13,25  | 25,50 | Ba   |
| 287 | 0829 | Địa lí     | Nguyễn Lê Minh    | Nhi   | 04/04/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 14,00    | 11,00  | 25,00 | Ba   |
| 288 | 0821 | Địa lí     | Trương Hữu        | Khánh | 15/08/2008 | Nam       | THPT Chu Văn An                 | 12,25    | 12,50  | 24,75 | Ba   |
| 289 | 0341 | Địa lí     | Vũ Hoàng Khánh    | Hà    | 02/09/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 13,25  | 24,25 | Ba   |
| 290 | 0354 | Địa lí     | Nguyễn Huỳnh Cẩm  | Tiên  | 20/10/2009 | Nữ        | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 10,00    | 14,25  | 24,25 | Ba   |
| 291 | 0338 | Địa lí     | Nguyễn Hoàng Ngọc | Châu  | 06/04/2008 | Nữ        | THPT Lý Tự Trọng                | 11,50    | 12,50  | 24,00 | Ba   |
| 292 | 0346 | Địa lí     | Nguyễn Phương     | Linh  | 02/02/2008 | Nữ        | THPT Lý Tự Trọng                | 10,25    | 13,50  | 23,75 | Ba   |
| 293 | 0356 | Địa lí     | Đỗ Quang          | Vinh  | 10/01/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,50    | 12,75  | 23,25 | KK   |
| 294 | 0353 | Địa lí     | Đặng Ý            | Thư   | 22/10/2008 | Nữ        | THPT Trần Bình Trọng            | 11,25    | 11,25  | 22,50 | KK   |
| 295 | 0838 | Địa lí     | Trương Thị Ngọc   | Thơ   | 22/04/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,50     | 13,00  | 22,50 | KK   |
| 296 | 0333 | Địa lí     | Phạm Tâm          | Băng  | 08/09/2008 | Nữ        | Phan Bội Châu-Cam Ranh          | 9,00     | 13,25  | 22,25 | KK   |
| 297 | 0343 | Địa lí     | Nguyễn Thị Khánh  | Linh  | 22/12/2008 | Nữ        | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 9,00     | 13,25  | 22,25 | KK   |
| 298 | 0826 | Địa lí     | Phạm Huỳnh Ngọc   | Nga   | 09/12/2008 | Nữ        | THPT Ninh Hải                   | 9,75     | 12,50  | 22,25 | KK   |
| 299 | 0336 | Địa lí     | Nguyễn Ngọc Bảo   | Châu  | 28/04/2009 | Nữ        | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 11,25    | 10,75  | 22,00 | KK   |
| 300 | 0342 | Địa lí     | Lê Ngô Nhật Tuấn  | Khang | 31/10/2009 | Nam       | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 9,25     | 12,00  | 21,25 | KK   |
| 301 | 0816 | Địa lí     | Đinh Nguyễn Bảo   | Hân   | 26/08/2008 | Nữ        | THPT Tháp Chàm                  | 9,00     | 12,25  | 21,25 | KK   |
| 302 | 0832 | Địa lí     | Nguyễn Minh       | Quân  | 25/04/2009 | Nam       | Nguyễn Trãi-Phan Rang           | 10,50    | 10,75  | 21,25 | KK   |
| 303 | 0331 | Địa lí     | Võ Đỗ Vân         | Anh   | 14/02/2008 | Nữ        | THPT Trần Bình Trọng            | 9,25     | 11,50  | 20,75 | KK   |
| 304 | 0337 | Địa lí     | Kiều Phương Bảo   | Châu  | 20/04/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,75    | 9,75   | 20,50 | KK   |
| 305 | 0818 | Địa lí     | Thuận Thị Diệu    | Hiền  | 14/12/2009 | Nữ        | Phạm Văn Đồng-Phước Hậu         | 10,25    | 10,00  | 20,25 | KK   |
| 306 | 0348 | Địa lí     | Nguyễn Thành      | Minh  | 14/01/2009 | Nam       | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 7,75     | 12,25  | 20,00 | KK   |
| 307 | 0442 | Tiếng Anh  | Nguyễn Minh       | Tiến  | 01/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,50    | 1,75   | 14,25 | Nhất |
| 308 | 0370 | Tiếng Anh  | Hà Văn Gia        | Cát   | 28/03/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,50    | 1,70   | 14,20 | Nhất |

| TT  | SBD  | Môn<br>dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|---------------|-------------------|--------|------------|--------------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |               |                   |        |            |              |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 309 | 0439 | Tiếng Anh     | Trương Bá         | Thiện  | 16/11/2008 | Nam          | THPT Nguyễn Văn Trỗi            | 12,15    | 1,85   | 14,00 | Nhất |
| 310 | 0410 | Tiếng Anh     | Nguyễn Hải        | My     | 29/08/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,10    | 1,85   | 13,95 | Nhì  |
| 311 | 0437 | Tiếng Anh     | Trần Phú          | Thành  | 08/09/2008 | Nam          | THPT Hoàng Hoa Thám             | 12,80    | 1,10   | 13,90 | Nhì  |
| 312 | 0878 | Tiếng Anh     | Nguyễn Khắc Anh   | Khôi   | 26/02/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 12,00    | 1,75   | 13,75 | Nhì  |
| 313 | 0397 | Tiếng Anh     | Nguyễn Lê Gia     | Khánh  | 04/05/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 12,05    | 1,55   | 13,60 | Nhì  |
| 314 | 0418 | Tiếng Anh     | Phan Thảo         | Nguyên | 03/10/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,70    | 1,85   | 13,55 | Nhì  |
| 315 | 0381 | Tiếng Anh     | Annie Le          | Hamel  | 05/03/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,40    | 1,65   | 13,05 | Nhì  |
| 316 | 0392 | Tiếng Anh     | Nguyễn Minh       | Khang  | 30/04/2008 | Nam          | THPT Nguyễn Văn Trỗi            | 11,50    | 1,50   | 13,00 | Nhì  |
| 317 | 0405 | Tiếng Anh     | Will Joacim       | Ly     | 11/10/2007 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,20    | 1,80   | 13,00 | Nhì  |
| 318 | 0411 | Tiếng Anh     | Trần Nhật         | Nam    | 24/06/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,10    | 1,80   | 12,90 | Nhì  |
| 319 | 0402 | Tiếng Anh     | Đặng Hoàng Khánh  | Linh   | 19/01/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,20    | 1,65   | 12,85 | Nhì  |
| 320 | 0373 | Tiếng Anh     | Võ Minh           | Duy    | 07/05/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,30    | 1,45   | 12,75 | Nhì  |
| 321 | 0387 | Tiếng Anh     | Đoàn Trần Anh     | Huy    | 28/09/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,00    | 1,55   | 12,55 | Nhì  |
| 322 | 0379 | Tiếng Anh     | Nguyễn Đình       | Đỉnh   | 08/09/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,60    | 1,90   | 12,50 | Nhì  |
| 323 | 0409 | Tiếng Anh     | Trần Khánh        | Minh   | 15/01/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,70    | 1,80   | 12,50 | Nhì  |
| 324 | 0363 | Tiếng Anh     | Trương Hoàng Quốc | Anh    | 26/12/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 11,20    | 1,20   | 12,40 | Nhì  |
| 325 | 0369 | Tiếng Anh     | Nguyễn Trọng      | Bình   | 06/03/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,55    | 1,85   | 12,40 | Nhì  |
| 326 | 0371 | Tiếng Anh     | Lê Thị Kim        | Chi    | 05/02/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,80    | 1,60   | 12,40 | Nhì  |
| 327 | 0887 | Tiếng Anh     | Nguyễn            | Minh   | 09/10/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,55    | 1,65   | 12,20 | Ba   |
| 328 | 0899 | Tiếng Anh     | Nguyễn Lê Uyên    | Nhi    | 30/10/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,25    | 1,90   | 12,15 | Ba   |
| 329 | 0921 | Tiếng Anh     | Đình Viết         | Trường | 27/06/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 10,90    | 1,20   | 12,10 | Ba   |
| 330 | 0919 | Tiếng Anh     | Đoàn Ngọc Bảo     | Trân   | 29/09/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,90     | 1,80   | 11,70 | Ba   |
| 331 | 0361 | Tiếng Anh     | Ngô Ngọc Bảo      | Anh    | 22/02/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,95     | 1,70   | 11,65 | Ba   |
| 332 | 0438 | Tiếng Anh     | Lê Quang          | Thắng  | 06/11/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,00    | 1,65   | 11,65 | Ba   |
| 333 | 0446 | Tiếng Anh     | Nguyễn Phan Bảo   | Trân   | 13/07/2008 | Nữ           | THPT Lý Tự Trọng                | 10,25    | 1,35   | 11,60 | Ba   |
| 334 | 0898 | Tiếng Anh     | Nguyễn Hà Tuyết   | Nhi    | 26/03/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,50     | 1,90   | 11,40 | Ba   |

| TT  | SBD  | Môn<br>dự thi | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Tên trường THPT/<br>THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|---------------|-------------------|--------|------------|--------------|---------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |               |                   |        |            |              |                                 | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 335 | 0384 | Tiếng Anh     | Đặng Minh         | Hiếu   | 14/06/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,70     | 1,65   | 11,35 | Ba   |
| 336 | 0388 | Tiếng Anh     | Nguyễn Hữu Thanh  | Huy    | 17/10/2010 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,90     | 1,35   | 11,25 | Ba   |
| 337 | 0395 | Tiếng Anh     | Phan Ngọc         | Khánh  | 02/08/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,75     | 1,50   | 11,25 | Ba   |
| 338 | 0432 | Tiếng Anh     | Nguyễn Đức        | Son    | 19/05/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,50     | 1,75   | 11,25 | Ba   |
| 339 | 0441 | Tiếng Anh     | Đặng Cát          | Tiên   | 07/04/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,45     | 1,80   | 11,25 | Ba   |
| 340 | 0855 | Tiếng Anh     | Nguyễn Trọng      | Cần    | 01/10/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,85     | 1,30   | 11,15 | Ba   |
| 341 | 0401 | Tiếng Anh     | Bùi Tuấn          | Kiệt   | 09/01/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,90     | 1,20   | 11,10 | Ba   |
| 342 | 0415 | Tiếng Anh     | Nguyễn Ngọc       | Nghĩa  | 21/04/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,90     | 1,20   | 11,10 | Ba   |
| 343 | 0863 | Tiếng Anh     | Trương Lê Vũ      | Dũng   | 19/08/2010 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,80     | 1,30   | 11,10 | Ba   |
| 344 | 0358 | Tiếng Anh     | Tạ Nguyên Thảo    | An     | 08/03/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,90     | 1,15   | 11,05 | Ba   |
| 345 | 0433 | Tiếng Anh     | Hoàng Ngọc Minh   | Tâm    | 15/02/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,55     | 1,45   | 11,00 | Ba   |
| 346 | 0874 | Tiếng Anh     | Nguyễn Trần Minh  | Kha    | 17/09/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,60     | 1,35   | 10,95 | Ba   |
| 347 | 0902 | Tiếng Anh     | Huỳnh Thanh       | Như    | 19/11/2008 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,45     | 1,50   | 10,95 | Ba   |
| 348 | 0406 | Tiếng Anh     | Vũ Đình Hoàng     | Minh   | 22/04/2010 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,65     | 1,25   | 10,90 | KK   |
| 349 | 0891 | Tiếng Anh     | Nguyễn Lê Gia     | Nghi   | 22/01/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 9,80     | 1,10   | 10,90 | KK   |
| 350 | 0362 | Tiếng Anh     | Lương Hà          | Anh    | 30/07/2009 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,40     | 1,40   | 10,80 | KK   |
| 351 | 0390 | Tiếng Anh     | Nguyễn Ngọc Thiên | Hương  | 18/03/2008 | Nữ           | THPT Trần Bình Trọng            | 10,10    | 0,70   | 10,80 | KK   |
| 352 | 0399 | Tiếng Anh     | Phạm Đỗ Duy       | Khương | 27/10/2008 | Nam          | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa       | 9,20     | 1,60   | 10,80 | KK   |
| 353 | 0448 | Tiếng Anh     | Nguyễn Hoàng Minh | Trí    | 04/01/2008 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 10,45    | 0,35   | 10,80 | KK   |
| 354 | 0407 | Tiếng Anh     | Lê Đức            | Minh   | 17/03/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,00     | 1,75   | 10,75 | KK   |
| 355 | 0426 | Tiếng Anh     | Ngô Minh          | Phúc   | 13/01/2009 | Nam          | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,10     | 1,65   | 10,75 | KK   |
| 356 | 0419 | Tiếng Anh     | Nguyễn Trung      | Nhân   | 04/12/2008 | Nam          | Phan Bội Châu-Cam Ranh          | 9,00     | 1,70   | 10,70 | KK   |
| 357 | 0357 | Tiếng Anh     | Nguyễn Ngọc Bình  | An     | 13/06/2010 | Nữ           | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang        | 9,60     | 1,05   | 10,65 | KK   |
| 358 | 0848 | Tiếng Anh     | Tạ Thúc           | An     | 13/02/2010 | Nam          | Lê Quý Đôn-Đông Hải             | 8,70     | 1,95   | 10,65 | KK   |
| 359 | 0893 | Tiếng Anh     | Nguyễn Hồ Tuấn    | Ngọc   | 19/02/2008 | Nam          | THPT Trường Chinh               | 9,00     | 1,60   | 10,60 | KK   |
| 360 | 0414 | Tiếng Anh     | Ngô Thị Thùy      | Ngân   | 15/03/2008 | Nữ           | THPT Trần Bình Trọng            | 9,30     | 1,15   | 10,45 | KK   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|--------------------|-------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                    |       |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 361 | 0907 | Tiếng Anh  | Nguyễn Anh         | Quân  | 05/04/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 9,00     | 1,40   | 10,40 | KK   |
| 362 | 0364 | Tiếng Anh  | Ngô Đình Hoài      | Anh   | 31/10/2008 | Nam       | THPT Lý Tự Trọng             | 8,60     | 1,70   | 10,30 | KK   |
| 363 | 0383 | Tiếng Anh  | Võ Đặng Khả        | Hân   | 03/01/2009 | Nữ        | THPT Trần Bình Trọng         | 8,60     | 1,70   | 10,30 | KK   |
| 364 | 0440 | Tiếng Anh  | Bùi Nguyễn Kha     | Thy   | 05/09/2008 | Nữ        | THPT Lý Tự Trọng             | 8,40     | 1,90   | 10,30 | KK   |
| 365 | 0386 | Tiếng Anh  | Lê Nguyễn Minh     | Hoàng | 25/09/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 9,05     | 1,20   | 10,25 | KK   |
| 366 | 0408 | Tiếng Anh  | Lê Trần Thùy       | Minh  | 19/04/2010 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 9,00     | 1,15   | 10,15 | KK   |
| 367 | 0423 | Tiếng Anh  | Phạm Dương Gia     | Phát  | 19/07/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 9,00     | 1,15   | 10,15 | KK   |
| 368 | 0427 | Tiếng Anh  | Bảo Quý Định       | Phúc  | 20/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 9,00     | 1,15   | 10,15 | KK   |
| 369 | 0429 | Tiếng Anh  | Đỗ Minh            | Quân  | 19/02/2008 | Nam       | THPT Lý Tự Trọng             | 8,40     | 1,75   | 10,15 | KK   |
| 370 | 0431 | Tiếng Anh  | Nguyễn Thanh       | Sang  | 13/11/2009 | Nam       | THPT Hoàng Hoa Thám          | 9,10     | 1,05   | 10,15 | KK   |
| 371 | 0382 | Tiếng Anh  | Phạm Nguyễn Bảo    | Hân   | 20/10/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 8,40     | 1,65   | 10,05 | KK   |
| 372 | 0377 | Tiếng Anh  | Trần Quốc          | Đạt   | 11/11/2008 | Nam       | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa    | 8,30     | 1,70   | 10,00 | KK   |
| 373 | 0389 | Tiếng Anh  | Nguyễn Trần Nhật   | Huy   | 12/08/2008 | Nam       | THPT Hoàng Hoa Thám          | 8,60     | 1,40   | 10,00 | KK   |
| 374 | 0393 | Tiếng Anh  | Lê Bá Vĩnh         | Khang | 29/12/2010 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 9,10     | 0,90   | 10,00 | KK   |
| 375 | 0422 | Tiếng Anh  | Nguyễn Văn Minh    | Phát  | 07/02/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 9,00     | 1,00   | 10,00 | KK   |
| 376 | 0445 | Tiếng Anh  | Hồ Ngọc Bảo        | Trân  | 31/01/2008 | Nữ        | THPT Nguyễn Trãi-Ninh Hòa    | 8,50     | 1,50   | 10,00 | KK   |
| 377 | 0450 | Tiếng Anh  | Trần Nguyễn Phương | Uyên  | 21/01/2009 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 8,60     | 1,40   | 10,00 | KK   |
| 378 | 0462 | Tin học    | Nguyễn Hoàng Long  | Hải   | 26/06/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,08    | 15,96  | 34,04 | Nhất |
| 379 | 0940 | Tin học    | Trần Thanh         | Khôi  | 08/09/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 18,08    | 15,64  | 33,72 | Nhì  |
| 380 | 0459 | Tin học    | Mai Thế            | Dũng  | 07/09/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,08    | 14,76  | 32,84 | Nhì  |
| 381 | 0946 | Tin học    | Nguyễn Hoàng       | Quân  | 21/01/2010 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 19,28    | 12,88  | 32,16 | Nhì  |
| 382 | 0490 | Tin học    | Nguyễn Quốc        | Thanh | 28/08/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,96    | 14,92  | 31,88 | Nhì  |
| 383 | 0944 | Tin học    | Nguyễn Tuấn        | Phát  | 06/11/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 16,16    | 14,48  | 30,64 | Nhì  |
| 384 | 0950 | Tin học    | Huỳnh Trường Ân    | Thiên | 11/03/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 18,08    | 11,84  | 29,92 | Ba   |
| 385 | 0488 | Tin học    | Lê Minh            | Quân  | 08/11/2010 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,90    | 14,68  | 29,58 | Ba   |
| 386 | 0469 | Tin học    | Nguyễn Thái        | Hưng  | 07/08/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 17,12    | 12,12  | 29,24 | Ba   |

| TT  | SBD  | Môn dự thi | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Tên trường THPT/ THPT chuyên | Điểm thi |        |       | Giải |
|-----|------|------------|------------------|--------|------------|-----------|------------------------------|----------|--------|-------|------|
|     |      |            |                  |        |            |           |                              | Vòng 1   | Vòng 2 | Tổng  |      |
| 387 | 0454 | Tin học    | Võ Hồng Trí      | Bảo    | 18/03/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 18,32    | 10,64  | 28,96 | Ba   |
| 388 | 0952 | Tin học    | Võ Văn           | Việt   | 12/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 17,12    | 11,36  | 28,48 | Ba   |
| 389 | 0951 | Tin học    | Lê Đăng          | Viên   | 11/09/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 15,92    | 12,12  | 28,04 | Ba   |
| 390 | 0461 | Tin học    | Nguyễn Hoàng     | Gia    | 17/01/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 16,28    | 11,28  | 27,56 | Ba   |
| 391 | 0466 | Tin học    | Cao Vũ Anh       | Hoàng  | 17/11/2010 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,34    | 12,64  | 26,98 | Ba   |
| 392 | 0937 | Tin học    | Hà Công          | Khánh  | 11/09/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 18,08    | 8,70   | 26,78 | Ba   |
| 393 | 0953 | Tin học    | Trần Gia         | Vỹ     | 26/08/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 13,22    | 11,48  | 24,70 | KK   |
| 394 | 0478 | Tin học    | Hoàng            | Long   | 06/01/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,92    | 11,42  | 24,34 | KK   |
| 395 | 0484 | Tin học    | Nguyễn Trí       | Nhân   | 10/05/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,06    | 9,96   | 24,02 | KK   |
| 396 | 0481 | Tin học    | Trần Nguyễn Tuấn | Nam    | 07/08/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 14,60    | 8,54   | 23,14 | KK   |
| 397 | 0480 | Tin học    | Lê Khánh         | Minh   | 15/09/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 12,36    | 10,48  | 22,84 | KK   |
| 398 | 0948 | Tin học    | Nguyễn Văn       | Sang   | 15/08/2008 | Nam       | Nguyễn Trãi-Phan Rang        | 13,22    | 8,72   | 21,94 | KK   |
| 399 | 0483 | Tin học    | Hồ Sỹ            | Nguyên | 25/11/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 11,24    | 10,00  | 21,24 | KK   |
| 400 | 0931 | Tin học    | Hoàng Hà         | Anh    | 18/12/2008 | Nữ        | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 12,60    | 8,54   | 21,14 | KK   |
| 401 | 0491 | Tin học    | Hoàng Vĩnh       | Thái   | 26/04/2009 | Nam       | Lê Quý Đôn-Nam Nha Trang     | 13,22    | 7,84   | 21,06 | KK   |
| 402 | 0934 | Tin học    | Hà Đăng          | Hung   | 30/07/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 6,97     | 13,80  | 20,77 | KK   |
| 403 | 0932 | Tin học    | Ngô Xuân         | Bách   | 07/12/2008 | Nam       | Lê Quý Đôn-Đông Hải          | 8,40     | 12,12  | 20,52 | KK   |

*Tổng số có 403 thí sinh đoạt giải./.*

*Ghi chú:*

- Vòng 1: điểm thi được tính theo thang điểm 20,00; Riêng môn Tiếng Anh được tính theo thang điểm 18,00;
- Vòng 2: điểm thi được tính theo thang điểm 20,00; Riêng môn Tiếng Anh được tính theo thang điểm 2,00.